

TP.HCM, ngày 15 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
NĂM 2018

(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I/ THÔNG TIN CHUNG

1) Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
- Tên tiếng Anh : CHO LON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : CHOLON WASUCO JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số (mã số doanh nghiệp): 0304797806
- Vốn điều lệ : 130.000.000.000VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 130.000.000.000VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng)
- Trụ sở chính : 97 Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 38 552 354
- Fax : (84-28) 39 550 424
- Website : capnuoccholon.com.vn
- Email : cncholon@capnuoccholon.com.vn
- Mã cổ phiếu : CLW

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn tiền thân là Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn, được thành lập từ năm 1991, trực thuộc Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn). Theo quyết định số 66/QĐ-TCT-TC ngày 31/08/2005 của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn, Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn là một trong những đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Với chủ trương đổi mới quản lý doanh nghiệp của Nhà nước, ngày 30/12/2005 UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6656/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn.

Ngày 01/11/2006, tại hội trường Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn, Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn tổ chức Đại hội trừ bị, với tổng số 222 cổ đông được mời tham dự, đại diện cho 13 triệu cổ phần. Đến ngày 02/12/2006 Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn.

Ngày 16/01/2007 Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008 về việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Ngày 11/01/2011, cổ phần của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, mã chứng khoán CLW.

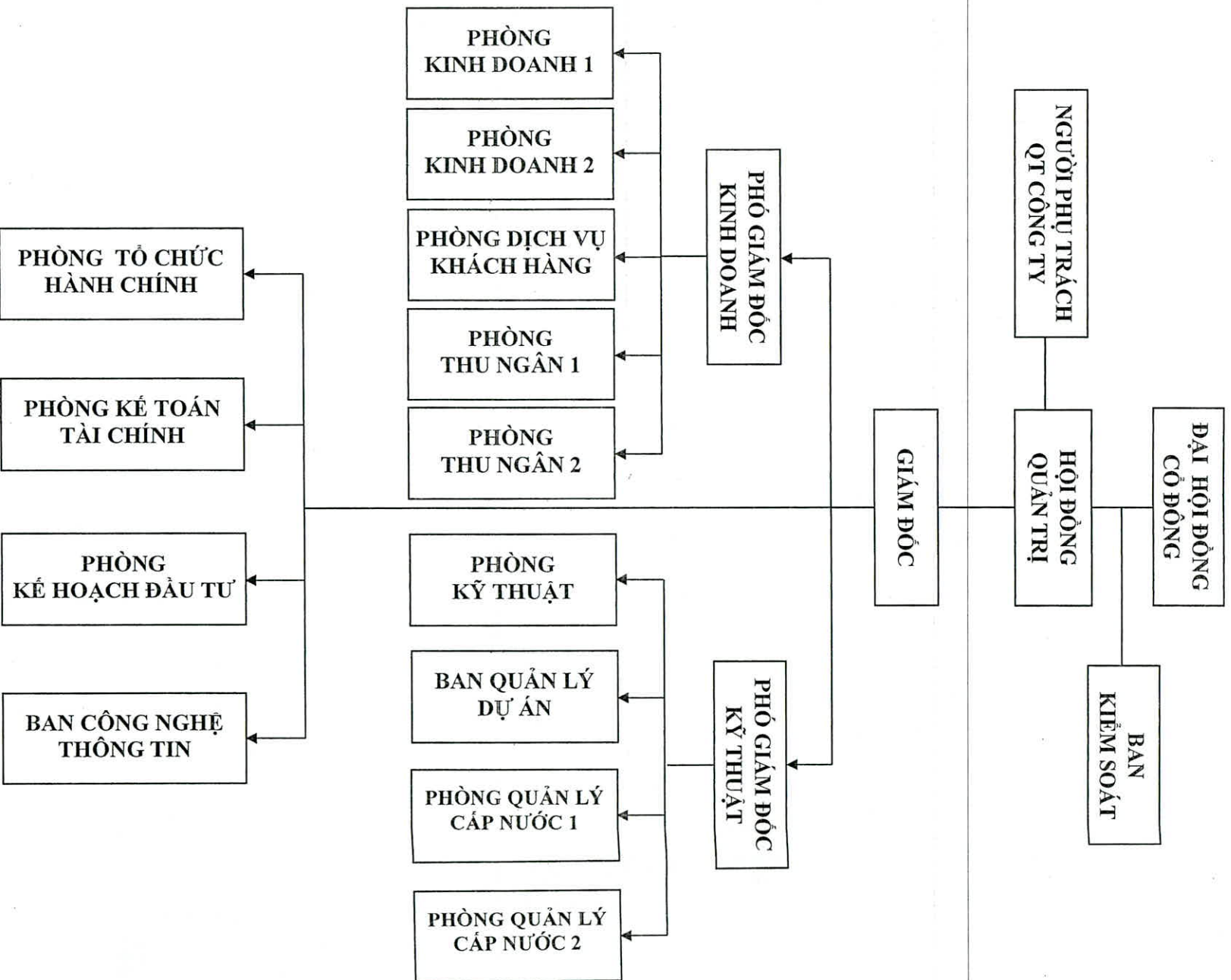
2) Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo phân công của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (QĐ số 69/QĐ-TCT-TC ngày 31/08/2005 của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn), Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn chịu trách nhiệm quản lý cung cấp nước sạch cho khách hàng các quận 5, 6, 8, Bình Tân và huyện Bình Chánh. Tuy nhiên kể từ ngày 21/06/2017, quyền và nghĩa vụ cấp nước trên địa bàn huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đã được Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn chuyển giao cho Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng - công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

3) Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY HIỆN NAY



4) Định hướng phát triển:

- Xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững và hội nhập.
- Xây dựng hình ảnh công sở chuyên nghiệp từ cung cấp dịch vụ đến quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, nâng cao thương hiệu uy tín công ty.
- Đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ người dân, góp phần vào sự phát triển của Tổng Công ty.

5) Các rủi ro (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Rủi ro về lãi suất: do Công ty gặp khó khăn về nguồn vốn nên Công ty phải đi vay thương mại để thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, do đó rủi ro có thể xảy ra nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng có biến động lớn.
- Rủi ro kinh doanh: mặt dù không phải chịu sự cạnh tranh cao do sản phẩm của Công ty là đặc thù (nước sạch) nhưng chỉ cần việc cung cấp nước khách hàng xảy ra sự cố: ô nhiễm, không nước ... trên diện rộng cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động và uy tín của Công ty.
- Rủi ro về pháp lý: hệ thống các văn bản pháp luật đang trong giai đoạn sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế khi Việt Nam gia nhập khối Asean, TPP... Do đó, những sự thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước đối với doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty.
- Rủi ro khác: các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đặc điểm tình hình

- Ổn định, duy trì việc cung cấp nước, đảm bảo áp lực, chất lượng nước nhằm phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân và hoàn thành nhiệm vụ cấp nước theo Nghị Quyết 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Xác định nhiệm vụ trọng tâm là giảm nhanh, giảm mạnh tỷ lệ thất thoát nước đòi hỏi Công ty cần phải tập trung mọi nguồn lực thực hiện.
- Sự thay đổi nhân sự Ban lãnh đạo sau đại hội đồng cổ đông cuối tháng 4 năm 2018 ít nhiều ảnh hưởng đến định hướng và chiến lược hoạt động của Công ty.
- Ổn định tư tưởng cán bộ, công nhân viên, người lao động, phát huy vai trò xung kích của các tổ chức Đoàn thể trong phong trào thi đua Sản xuất – kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, qua đó bố trí sắp xếp cán bộ hợp lý trên cơ sở xem xét quy hoạch đội ngũ cán bộ hiện tại và lâu dài đáp ứng giai đoạn phát triển mới của đơn vị.

Ngay từ đầu năm 2018, mặc dù đã nhận định được những khó khăn với những biến động trong hoạt động SXKD (trong những tháng đầu năm 2018, tỷ lệ thất thoát nước có nhiều biến động chưa xác định chính xác nguyên nhân gây khó khăn trong việc kéo giảm, tình hình tài chính có nhiều biến động với những chi phí phát sinh ngoài dự kiến ...) dẫn đến hoạt động SXKD của Công ty nhiều lúc rất khó khăn và rơi vào bế tắc với dự kiến kết quả kinh doanh lỗ. Tuy nhiên với quyết tâm, nỗ lực và kinh nghiệm của các thành viên trong HĐQT, Ban Giám đốc, đến cuối cùng đã đưa Công ty vượt qua khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại Hội đồng cổ đông đã đề ra:

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	97.000	104.199	107,42%
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	919.424	1.021.968	111,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	16.000	16.797	104,98%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	12.257	13.553	110,57%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng		679	

Tóm lại, trong năm 2018 Công ty hoàn thành phần lớn các mục tiêu đề ra đầu năm. Đặc biệt, sản lượng và doanh thu đều vượt cao so với kế hoạch. Riêng tỷ lệ thất thoát nước dù không đạt chỉ tiêu đề ra song việc quản lý lượng nước thất thoát đã dần được công ty kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo việc kéo giảm hơn nữa trong thời gian tới.

2) **Tổ chức và nhân sự:**

2.1/-Danh sách Ban điều hành:

a. Ông Lê Trọng Hiếu – Giám đốc Công ty giai đoạn 01/01/2018 đến 27/04/2018

Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 24/12/1974
 Nơi sinh : Sông Bé
 Số CMND : 022816436 cấp ngày 26/12/2006 tại CA Tp.HCM
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 285/5^A Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. HCM
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác

1997 – 1999 : Nhân viên phòng KHKTVT- Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
 1999 – 2003 : Đội phó đội TBSC - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
 2003 – 2004 : Phó phòng KHKTVT - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
 2004 – 2004 : Trưởng phòng KHKTVT - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
 2004 – 2006 : Phó Giám đốc - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
 01/2007 – 04/2012 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn
 04/2012 – 27/4/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

b. Ông Huỳnh Tuấn Anh – Giám đốc Công ty giai đoạn 27/04/2018 đến 31/12/2018

Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 26/01/1970
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMND : 022239251 cấp ngày 01/08/2015 tại CA Tp.HCM
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 87 đường 30, P.Bình Trị Đông, Q.Bình Tân, Tp. HCM
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

1995 – 2005 : Phó Giám đốc XN khai thác nước ngầm – Công ty cấp nước TP.HCM

- 2005 – 2006 : Phó Trưởng phòng Hợp tác Kinh tế Tổng hợp – Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
- 2006 – 2012 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức
- 2012 – 2014 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức
- 2014 – 4/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức
- 4/2018 – 31/12/2018 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

c. Ông Nguyễn Hữu Hiệp – Phó Giám đốc Kỹ thuật giai đoạn 01/01/2018 đến 31/8/2018

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/08/1958
-
- Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh
- Số CMND : 020559959 cấp ngày 13/04/2009 tại CA Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : A012 ^C/C Phạm Việt Chánh, P.19, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM
- Trình độ chuyên môn : Đại học kiến trúc

Quá trình công tác

- 1982 – 1983 : Nhân viên thiết kế - Đội Thiết kế Công ty Cấp nước
- 1983 – 1992 : Tổ trưởng Thi công – Xí nghiệp Đường ống
- 1992 – 2001 : Tổ trưởng giám sát công trình – Ban QLCT Cty Cấp nước
- 2001 – 2004 : Phó Trưởng ban KHVT- Chi nhánh cấp nước Phú Hòa Tân
- 2004 – 2006 : PGĐ kỹ thuật – Chi nhánh cấp nước Gia Định
- 2006 – 4/2012 : PGĐ kỹ thuật – Cty TNHH MTV cấp nước Trung An
- 04/2012 – 31/8/2018 : PGĐ kỹ thuật – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

d. Bà Lê Thị Thanh Tâm – Phó Giám đốc kinh doanh

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 04/03/1969
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 022714596 cấp ngày 02/12/2004 tại CA Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 116 Trần Minh Quyền, P.11, Q.10, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD

Quá trình công tác

- 1990 – 1994 : Nhân viên tổ kiểm tra – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
- 1995 – 1999 : Tổ trưởng (Đội thu tiền) – Chi nhánh CN Chợ Lớn
- 2000 – 2003 : Đội phó đội thu tiền – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
- 2003 – 2004 : Đội trưởng đội thu tiền – Chi nhánh CN Chợ Lớn
- 2004 – 2006 : Phó Giám đốc kinh doanh – Chi nhánh CN Chợ Lớn
- 2007 – 5/2017 : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn
- 6/2017 – 31/12/2018 : Phó Giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

e. Bà Vũ Thị Như Quỳnh – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 05/04/1979
- Nơi sinh : Thái Bình

Số CMND : 034179003162 cấp ngày 10/06/2016 tại Cục cảnh sát
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : 48 Đường số 10, KCD Hương Lộ 5, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP.HCM
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành TCDN
Quá trình công tác
 10/2002 – 5/2004 : Nhân viên kế toán – Công ty TNHH Việt Liên
 6/2004 – 2006 : Nhân viên kế toán – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
 2007 – 2009 : Nhân viên kế toán – Công ty CP cấp nước Chợ Lớn
 2010 – 06/6/2017 : Tổ trưởng Tổ thanh toán – Công ty CPCN Chợ Lớn
 07/6/2017 – 31/12/18 : Trưởng phòng KTTC kiêm Kế toán trưởng – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Số lượng cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu của các thành viên Ban điều hành của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn tính đến thời điểm lập báo cáo (theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/05/2018 để chi trả cổ tức):

Số TT	Họ và tên	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ
I	Giai đoạn từ 01/01/2018 đến 27/04/2018:						
1	Lê Trọng Hiếu ⁽¹⁾	800	0,006%	1.657.600	12,751%	1.658.400	12,757%
2	Lê Thị Thanh Tâm	1.400	0,011%			1.400	0,011%
3	Nguyễn Hữu Hiệp	-	-	-	-	-	-
4	Vũ Thị Như Quỳnh	525	0,004%	-	-	525	0,004%
	Tổng cộng					1.660.325	12,772%
II	Giai đoạn từ 27/04/2018 đến nay:						
1	Huỳnh Tuấn Anh ⁽²⁾			1.657.600	12,751%	1.657.600	12,751%
2	Lê Thị Thanh Tâm	1.400	0,011%			1.400	0,011%
3	Nguyễn Hữu Hiệp ⁽³⁾	-	-	-	-	-	-
4	Vũ Thị Như Quỳnh	525	0,004%	-	-	525	0,004%
	Tổng cộng					1.659.525	12,766%

Ghi chú:

⁽¹⁾: Ông Lê Trọng Hiếu là 1 trong 4 người đại diện phần vốn góp Nhà nước của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn tại Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn giai đoạn từ 01/01/2018 đến 27/04/2018, với số lượng cổ phần đại diện sở hữu là 1.657.600 cổ phần.

⁽²⁾: Ông Huỳnh Tuấn Anh là 1 trong 4 người đại diện phần vốn góp Nhà nước của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn tại Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn giai đoạn từ 27/04/2018 đến 31/12/2018, với số lượng cổ phần đại diện sở hữu là 1.657.600 cổ phần.

⁽³⁾: Ông Nguyễn Hữu Hiệp là Phó Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/08/2018.

2.2/-Những thay đổi trong Ban Điều hành:

- Giám đốc Công ty:
 - Từ 01/01/2018 đến 27/04/2018: ông Lê Trọng Hiếu
 - Từ 27/04/2018 đến 31/12/2018: ông Huỳnh Tuấn Anh

- Phó Giám đốc kỹ thuật:
 - o Từ 01/01/2018 đến 31/08/2018: ông Nguyễn Hữu Hiệp
 - o Từ 01/09/2018 đến 31/12/2018: ông Huỳnh Tuấn Anh, Giám đốc Công ty tạm thời kiêm nhiệm trong thời gian chờ xem xét bổ nhiệm Phó Giám đốc kỹ thuật (thay ông Nguyễn Hữu Hiệp nghỉ hưu theo chế độ).

2.3/-Số lượng cán bộ, nhân viên – Chính sách đối với NLD:

Cơ cấu tổ chức:

- **Ban giám đốc:** 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc (trong đó 01 Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật và 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh).

- **Phòng Tổ chức - Hành chính:**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng các văn bản định chế trong lĩnh vực tổ chức bộ máy nhân sự, lao động – tiền lương, theo đúng quy định của pháp luật;
- Tham mưu công tác tổ chức bộ máy, nhân sự, công tác tuyển dụng lao động và các chế độ chính sách của người lao động;
- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực;
- Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật;
- Chế độ tiền lương cho người lao động;
- Quản lý tài sản, nhà xưởng, đất đai;
- Quản lý, điều hành công tác hành chính – văn phòng, công tác văn thư – lưu trữ.

Hệ thống văn thư điện tử Edocman;

- Quản lý và thực hiện trang Website của Công ty;
- Giám sát tính thẩm quyền và hình thức văn bản trong việc soạn thảo, ban hành các văn bản hành chính của Công ty.

- **Phòng Kế toán – Tài chính**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính;
- Thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính theo đúng quy định của Nhà nước;
- Quản lý sử dụng các nguồn vốn, TSCĐ theo quy định của Nhà nước;
- Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, lập báo cáo tài chính gửi các cơ quan ban ngành theo quy định của Bộ Tài chính;
- Phân tích đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, trình Ban Giám đốc và HĐQT Công ty.

- **Phòng Kế hoạch – Đầu tư**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu trong việc hoạch định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch SXKD theo tính chất ngành nghề của Công ty;
- Phát triển sản phẩm chiến lược và tham vấn công tác đầu tư mang lại hiệu quả;
- Thực hiện các hoạt động đối ngoại với các đối tác, khách hàng, chính quyền và tổ chức bên ngoài nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu hệ thống các văn bản pháp quy, các chính sách, chủ trương và quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý đầu thầu;
- Giải quyết yêu cầu và phản hồi thông tin liên quan đến việc gắn mới, nâng, dời đồng hồ nước và các yêu cầu khác của khách hàng;
- Tổng hợp, phân tích, kiểm tra, đánh giá và báo cáo tình hình hoạt động chung của Công ty; tham mưu, đề xuất các chủ trương, phương án và giải pháp để thực hiện kế hoạch của Công ty;
- Quản lý kho bãi, xuất nhập vật tư, phụ tùng và thực hiện việc mua sắm, cung ứng vật tư, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

- **Phòng Kinh doanh 1 và 2**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Biên soạn chỉ số đồng hồ nước; Theo dõi quá trình sử dụng nước và lượng nước tiêu thụ của khách hàng qua đồng hồ nước;
- Quản lý việc sử dụng đồng hồ nước của khách hàng;
- Nghiên cứu xu hướng tiêu dùng nước sạch của khách hàng, phân loại đối tượng khách hàng để làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh, giải pháp cung cấp nước sạch cho khách hàng; đề xuất với Ban Giám đốc các biện pháp nâng cao sản lượng nước tiêu thụ.

- **Phòng Dịch vụ khách hàng**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu cho BGD trong việc giải quyết các mối quan hệ liên quan đến hợp đồng dịch vụ cấp nước đã được ký kết giữa công ty và khách hàng
- Xử lý giải quyết truy thu bồi thường thiệt hại các trường hợp khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước;
- Tiếp nhận tất cả yêu cầu, thắc mắc, khiếu nại của khách hàng liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước sạch. Chuyển các phòng ban liên quan giải quyết theo chức năng hoặc kiểm tra, giải quyết các vấn đề liên quan đến định mức nước, sang tên, giá biểu ...
- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ theo chỉ đạo của Giám đốc công ty .
- Quản lý hồ sơ lưu trữ của khách hàng;

- **Phòng thu ngân 1 và 2**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Quản lý và tổ chức công tác thu tiền nước của khách hàng và thực hiện công tác đăng ngân giải trách đúng quy định;
- Lập kế hoạch và triển khai công tác hành thu, tồn thu, nợ khó đòi ...

- **Phòng Kỹ thuật**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu công tác quy hoạch phát triển nguồn và mạng lưới cấp nước; nghiên cứu và đề xuất những dự án đầu tư phát triển liên quan đến dự án cấp nước và các công trình khác mà Công ty được phép kinh doanh;
- Thực hiện và tham mưu, đề xuất đến lãnh đạo Công ty hoạch định chiến lược hiện thực công tác giảm nước thất thoát – thất thu (kế hoạch, giải pháp thực hiện, ứng dụng các phương pháp tiên tiến, công nghệ kỹ thuật hiện đại vào công tác thực tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảm nước không doanh thu trên toàn địa bàn mạng lưới cấp nước do Công ty quản lý);
- Công tác quản lý chất lượng nước; Công tác quản lý kỹ thuật trên mạng lưới cấp nước như hệ thống van, trụ cứu hỏa, họng xả cặn ...;
- Lập kế hoạch và đề xuất thực hiện công tác giảm nước không doanh thu;
- Xây dựng các định mức, quy định, quy trình của Công ty liên quan đến vấn đề kỹ thuật: tiêu chuẩn vật tư, thiết bị chuyên ngành, quản lý, sử dụng và vận hành máy móc thiết bị...;
- Lập bản vẽ thiết kế và dự toán công trình cấp nước; Thẩm định hồ sơ về kỹ thuật chuyên ngành theo chức năng cho phép;
- Thiết kế và dự toán gắn mới, nâng, dời, bồi thường ... đồng hồ nước;

- **Phòng Quản lý cấp nước 1 và 2**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Quản lý, vận hành các khu vực giảm nước không doanh thu (DMA);
- Quản lý mạng lưới cấp nước; Quản lý và tổ chức tu bổ sửa chữa hệ thống cấp nước do Công ty quản lý (bể ống, nước yếu, không nước, nguồn nước bị ô nhiễm ...);
- Lập phương án, tiến độ thi công đảm bảo các thủ tục, quy định Nhà nước trong việc tổ chức thi công (giấy phép đào đường, an toàn lao động, bảo hộ lao động ...) và tổ

chức thi công công trình theo đúng thiết kế; thi công công trình theo hợp đồng Công ty ký kết;

- Tổ chức thực hiện công tác thi công theo kế hoạch của đơn vị: gắn mới, dòi, nâng, thay ống nhánh, nâng cỡ, hạ cỡ ... đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng;

- Giữ gìn, bảo quản, bảo trì xe máy theo quy định về quản lý và sử dụng xe máy. Lái xe và vận hành các loại máy móc thiết bị đúng quy trình, quy định về an toàn lao động. Lái xe an toàn đúng luật giao thông;

- **Ban quản lý dự án**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu, đề xuất giúp Giám đốc thực hiện việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty, giám sát các hoạt động xây dựng cơ bản theo các dự án trong kế hoạch hàng năm được cấp trên phê duyệt;

- Giám sát công tác lắp đặt ống nhánh và gắn mới đồng hồ nước, bám chỉ đồng hồ nước. Thực hiện việc giám sát các công trình vốn khách hàng và các công trình vốn tu bổ sửa chữa;

- Tổ chức lập, thẩm định và trình duyệt hồ sơ thiết kế, bảng tổng hợp dự toán xây dựng công trình theo quy định;

- Tổ chức và trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu và thương thảo hợp đồng với các nhà thầu;

- Quản lý thi công xây dựng: thực hiện (hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn) giám sát quá trình thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về các mặt chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường của toàn bộ dự án;

- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng: đề xuất tạm ứng vốn theo hợp đồng đã ký kết, kiểm tra và trình duyệt hồ sơ thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng;

- Công tác nghiệm thu bàn giao công trình, công tác hậu kiểm.

- **Ban công nghệ thông tin**

Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Giám đốc về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi toàn Công ty;

- Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ - thông tin; Xây dựng và quản lý các phần mềm vi tính;

- Thực hiện đăng ngân, giải trách hóa đơn của Phòng Thu ngân.

Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty tại thời điểm 31/12/2018: 456 lao động

Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tiền lương và phụ cấp:

- Công ty xây dựng Quy chế trả lương, hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc và thực hiện chính sách trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc; đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động. Việc chi trả lương cho người lao động thông qua thẻ ATM đúng thời gian quy định, mỗi tháng 2 kỳ 15 và 30 hàng tháng.

- Chính sách phụ cấp được Công ty xây dựng phù hợp với từng đối tượng lao động và nhóm công việc, gồm các loại phụ cấp sau: phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp độc hại ...

- Chính sách khen thưởng:

- Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả SXKD và những đóng góp cho Công ty của người lao động. Các chính sách khen thưởng tiêu biểu được Công ty áp dụng như: thưởng các danh hiệu thi đua năm 2018, thưởng thành tích đột xuất, thưởng phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch SXKD

• Vào các dịp lễ, tết, cuối năm, người lao động còn được nhận các khoản bổ sung lương được trích từ quỹ lương tích lũy hàng tháng.

- Chế độ BHXH: tất cả người lao động của Công ty đều được hưởng các chế độ BHXH, BHYT và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

- Các chế độ chính sách khác:

Ngoài các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, Công ty còn thực hiện một số chính sách cao hơn quy định của pháp luật như:

• Mua bảo hiểm nhân thọ cho tất cả người lao động có HĐLĐ từ đủ 12 tháng trở lên, mức phí đóng là 600.000 đồng/người/tháng.

• Mua bảo hiểm tai nạn rủi ro 24/24 cho tất cả người lao động có HĐLĐ từ đủ 12 tháng trở lên (gói 70 triệu đồng).

• Trợ cấp cho người lao động về hưu: trợ cấp theo thời gian công tác, tặng sổ tiết kiệm, tặng quà.

• Thăm hỏi người lao động ốm đau, tặng quà đám cưới, quà sinh nhật ... Tổ chức cho người lao động đi tham quan hàng năm.

• Công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động được Công ty thực hiện thường xuyên. Chú trọng gắn đào tạo với thực hành, khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với công việc, tự học tập nhằm nâng cao trình độ.

3) Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1/- Các khoản đầu tư lớn:

Số TT	Tên công trình	Quy mô (mét)	Tổng mức đầu tư (tr.đồng)	Giá trị khối lượng thực hiện (đồng)	Đã thi công (m)	Ghi chú
A	Đầu tư thay mới ống mục		76.288	12.669.561.307		
1	Đầu tư thay mới ống mục phường 1 quận 5 (đợt 2)	φ180: 1.100m	4.426	3.101.899.984	-	Đang xin phép đào đường
2	Đầu tư thay mới ống mục phường 1, 4 quận 5	φ225: 340 φ125: 1.250	4.148	3.004.902.018	-	Đang xin phép đào đường
3	Đầu tư thay mới ống mục phường 1, 5, 6 quận 5	φ125: 1.650	3.945	2.724.908.080	-	Đang ký BB thương thảo HĐTCXL
4	Đầu tư thay mới ống mục phường 8, 10 quận 5	φ225: 920 φ180: 220 φ125: 150	4.363	3.353.764.200	-	Đang ký BB thương thảo HĐTCXL
5	Đầu tư thay mới ống mục phường 1, 2, 4, 11 quận 6	φ315: 420 φ125: 950	4.980	-	-	23/7 gửi thỏa thuận hướng tuyến (THT) đường hầm sông Sài Gòn, 6/8 gửi Ban Phân phối lưới điện, 24/8 Ban QLGTĐT TP VB trả lời
6	Đầu tư thay mới ống mục phường 11 quận 6	φ225: 920	4.690	-	-	Đang đánh giá HSDT
7	Đầu tư thay mới ống mục phường 1, 7, 10, 11, 12 quận 8	φ225: 260 φ180: 380 φ125: 500	3.775	-	-	Đã kiểm tra hiện trường với Sở ngày 30/11, TVTK đang làm thủ tục THTT
8	Đầu tư thay mới ống mục phường 4, 5 quận 8	φ125: 2.150	4.365	-	-	
9	Đầu tư thay mới ống mục phường 6 quận 8	φ125: 1.800	3.588	-	-	

10	Đầu tư thay mới ống mục phường 14 quận 8	φ225: 850	4.048	-	-	10/12 gửi CV TTHT cho BQLĐTXD
11	Đầu tư thay mới ống mục phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân	φ225: 920	4.543	-	-	Hoàn tất hồ sơ TTHT, chuyển sang năm 2019
12	Đầu tư thay mới ống mục phường An Lạc A, Bình Trị Đông A, quận Bình Tân	φ225: 710 φ180: 65	4.263	-	-	
13	Đầu tư thay mới ống mục phường Bình Trị Đông A, Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân	φ225: 970	4.736	-	-	
14	Đầu tư thay mới ống mục phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân	φ225: 970	4.749	-	-	
15	Đầu tư thay mới ống mục phường 8 quận 6	φ125: 1.950	3.966	-	-	Đã kiểm tra hiện trường với Sở ngày 30/11, TVTK đang làm thủ tục TTHT
16	Đầu tư thay mới ống mục phường 10 quận 6 (đợt 1)	φ225: 600	1.970	-	-	Chuyển sang năm 2019
17	Đầu tư thay mới ống mục phường 10 quận 6 (đợt 1)	φ225: 600	4.168	-	-	Đã kiểm tra hiện trường với Sở ngày 04/12, TVTK đang làm thủ tục TTHT
18	Đầu tư thay mới ống mục phường 10 quận 6 (đợt 3)	φ180: 360 φ125: 1.520	4.929	-	-	
19	Đầu tư thay mới ống mục phường 10 quận 6 (đợt 1)	φ150: 10 φ25: 300	636	484.087.025	-	Đang xin phép đào đường
B	Phát triển mạng lưới cấp nước		2.917	-	-	
1	Phát triển mạng lưới cấp nước quận Bình Tân	φ180: 400 φ125: 1.510	2.917	-	-	Đang đánh giá HSDT
C	Di dời bồi thường		5.022n	-	-	
1	Xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT cải tạo, nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc. Hạng mục: di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình.	φ225: 260m HDPE và 11m phụ tùng. φ125: 266m HDPE và 7m phụ tùng. Vị trí hầm đồng hồ tổng D200: 01 vị trí	1.336			Chuẩn bị thi công
2	Nâng cấp mở rộng đường Tên Lửa (đoạn từ số 29 đến Tỉnh Lộ 10) phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân. Hạng mục: di dời hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình.	φ300 ống gang: 40m. φ125 ống HDPE: 630m. Đồng hồ nước khách hàng 15 ly: 30 bộ	1.070			Đang trình thẩm định hồ sơ bồi thường

3	Xây dựng mới cầu Bà Hom, quận Bình Tân. Hạng mục: di dời và di dời tạm (nếu có) hệ thống cấp nước trong phạm vi công trình.	φ300 ống gang: 166m. φ280 ống HDPE: 206m. φ150 ống uPVC: 351m φ100 ống uPVC: 18m Hầm đồng hồ tổng: 01 hầm Đồng hồ nước khách hàng 15 ly: 90 bộ.	2.616			Đang thương thảo HĐ TCXL
Cộng			84.227	12.669.561.307	-	

3.2/-Các công ty con, công ty liên kết: không

4) Tình hình tài chính

4.1/-Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2017	NĂM 2018	GHI CHÚ
1	Tổng giá trị tài sản	487.158	423.230	
2	Doanh thu thuần	1.077.732	1.011.061	
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.599	15.134	
4	Lợi nhuận khác	6.388	1.663	
5	Lợi nhuận trước thuế	21.987	16.797	
6	Lợi nhuận sau thuế	17.599	13.553	

4.2/-Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	NĂM 2017 (*)	NĂM 2018	GHI CHÚ
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	-Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH-Hàng tồn kho / NNH)	0,71	0,67	
	-Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn)	0,20	0,19	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	-Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,55	0,50	
	-Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,30	1,01	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	-Vòng quay hàng tồn kho			
	<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>	22,56	51,71	
	<i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản</i>	2,21	2,39	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	-Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,63	1,34	
	-Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn Chủ sở hữu b/q	8,35	6,41	
	-Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản b/q	3,73	2,98	
	-Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	1,45	1,50	

(*): số liệu báo cáo năm 2017 có điều chỉnh so với số liệu trong báo cáo thường niên năm 2017 (đã nộp) do trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017, Công ty có phát sinh một số sai sót theo Biên bản làm việc của Kiểm toán Nhà nước số 13/TB-KV IV ngày 08/01/2019. Công ty đã trình bày lại Báo cáo tài chính năm trước để điều chỉnh sai sót này.

5) Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1/-Cổ phần

- Tổng số cổ phần niêm yết: 13.000.000 cổ phần
- Trong đó:
 - Cổ phần tự do chuyển nhượng: 13.000.000 cổ phần
 - Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không

5.2/-Cơ cấu cổ đông

- Ngày 11/01/2011, cổ phiếu của Công Ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn đã chính thức niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, với mã chứng khoán CLW. Thời điểm này tổng số cổ đông của Công ty là 553 cổ đông.

- Đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22/05/2018 (thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2017), tổng số cổ đông của Công ty là 510 cổ đông, trong đó:

STT	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) trên vốn điều lệ
1	Nhà nước	1	6.630.400	51,00%
2	HDQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát	6	2.535.220	19,50%
3	Cổ đông trong nước	484	3.127.500	24,06%
	- Cá nhân	475	2.823.355	21,72%
	- Tổ chức	9	304.145	2,34%
4	Cổ đông nước ngoài	19	706.880	5,44%
	- Cá nhân	13	159.980	1,23%
	- Tổ chức	6	546.900	4,21%
	Tổng cộng	510	13.000.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên cổ phần của Công ty:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) trên vốn điều lệ
1	Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Số 01 Công Trường Quốc Tế Q3 TP.HCM	6.630.400	51.00%
2	Lê Huy Hùng	613 Lê Hồng Phong, P10, Q10, TP.HCM	2.156.790	16.59%
	Tổng cộng		8.787.190	67,59%

5.3/-Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

5.4/-Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5/-Các chứng khoán khác: không có

6) Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1/-Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn không phải là đơn vị sản xuất mà là đơn vị phân phối nước. Công ty mua nước sạch từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn và phân phối lại cho khách hàng trên địa bàn các quận 5, 6, 8 và Bình Tân, thông qua hệ thống đường ống cấp nước đến từng hộ dân (khách hàng). Vật tư sử dụng của Công ty chủ yếu và vật tư ngành nước.

6.2/-Tiêu thụ năng lượng: không

6.3/-Tiêu thụ nước: không đáng kể (chủ yếu sử dụng cho công tác súc xả đường ống trước khi đưa vào sử dụng).

6.4/-Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

6.5/-Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- + Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2018: 456 lao động
- + Thu nhập bình quân người lao động: 13,672 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động Công ty:

- Chính sách tiền lương và phụ cấp:
 - Công ty xây dựng Quy chế trả lương, hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc và thực hiện chính sách trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc; đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động. Việc chi trả lương cho người lao động thông qua thẻ ATM đúng thời gian quy định, mỗi tháng 2 kỳ 15 và 30 hàng tháng.
 - Chính sách phụ cấp được Công ty xây dựng phù hợp với từng đối tượng lao động và nhóm công việc, gồm các loại phụ cấp sau: phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp độc hại ...
- Chính sách khen thưởng:
 - Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả SXKD và những đóng góp cho Công ty của người lao động. Các chính sách khen thưởng tiêu biểu được Công ty áp dụng như: thưởng các danh hiệu thi đua năm 2017, thưởng thành tích đột xuất, thưởng phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch SXKD
 - Vào các dịp lễ, tết, cuối năm, người lao động còn được nhận các khoản thưởng trong lương từ 25% quỹ lương tích lũy hàng tháng.
- Chế độ BHXH: tất cả người lao động của Công ty đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.
- Các chế độ chính sách khác:

Ngoài các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, Công ty còn thực hiện một số chính sách cao hơn quy định của pháp luật như:

 - Mua bảo hiểm nhân thọ cho tất cả người lao động có HĐLĐ từ đủ 12 tháng trở lên, mức phí đóng là 600.000 đồng/người/tháng.
 - Mua bảo hiểm tai nạn rủi ro 24/24 cho tất cả người lao động có HĐLĐ từ đủ 12 tháng trở lên (gói 70 triệu đồng).
 - Trợ cấp cho người lao động về hưu: trợ cấp theo thời gian công tác, tặng sổ tiết kiệm, tặng quà.
 - Thăm hỏi người lao động ốm đau, tặng quà đám cưới, quà sinh nhật ... Tổ chức cho người lao động đi tham quan hàng năm.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động được Công ty thực hiện thường xuyên. Chú trọng gắn đào tạo với thực hành, khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với công việc, tự học tập nhằm nâng cao trình độ.

6.6/-Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- **Trách nhiệm đối với cộng đồng:**

Phong trào đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội từ thiện được Công ty duy trì phát động và thực hiện đều đặn hàng năm với những hoạt động cụ thể năm 2018 như sau

 - Xây dựng nhà tình thương.
 - Nuôi dưỡng gia đình Mẹ Việt Nam Anh Hùng là Ông Lê Thanh Nhân thương binh đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Ba, ngụ tại KP1 – Thị Xã Cai Lậy – Tỉnh Tiền Giang.

- Thăm trẻ mồ côi, người già neo đơn
- Hỗ trợ đoàn viên đơn vị trong Tổng Công ty bị bệnh hiểm nghèo, bị tai nạn ...
- Đóng góp chung theo kế hoạch của Tổng Công ty (đóng góp kinh phí cho Bộ đội Trường Sa, giúp đỡ đồng bào bị bảo lụt .vv...)

- **Trách nhiệm đối với địa phương:**

- Tuân thủ các quy định của Chính quyền địa phương,
- Tham gia tích cực các phong trào do địa phương phát động (hội diễn văn nghệ, hội thao, đóng góp hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học, quỹ vì người nghèo...). Đồng thời tạo mối quan hệ tốt với các ban ngành và chính quyền địa phương trong địa bàn Công ty cung cấp nước.

III/-BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1) Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

Việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty có tính kế thừa bền vững đã giúp cho Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, gấn đồng hồ nước và các chỉ tiêu khác (đã báo cáo ở phần II), với các mặt làm được cụ thể như sau:

1.1/-Về sản xuất kinh doanh

a. Nước tiêu thụ và doanh thu:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %	
						So với năm 2017	So với KH 2018
			(1)	(2)	(3)	(3)/(1)	(3)/(2)
1	Sản lượng	1.000 m ³	96.129	97.000	104.199	108,39%	107,42%
2	Doanh thu	Tr.đồng	881.448	889.874	977.955	110,95%	109,90%
3	Ti lệ thực thu	%	99,68	100	99,9%		
4	Giá bán BQ	Đồng/m ³	9.169	9.174	9.386	102,37%	102,31%

- **Sản lượng nước tiêu thụ:** vượt 7,42% so với kế hoạch đề ra và vượt 8,39% so với cùng kỳ năm 2017. Trong năm 2019, để tiếp tục phát triển bền vững trong điều kiện địa bàn cấp nước đã phủ kín mạng lưới, khách hàng có xu hướng ngày càng tiết kiệm nước, sản lượng đã dần đi vào ổn định. Công ty phải tập trung thực hiện các giải pháp tăng sản lượng theo chiều sâu như: giảm thất thoát nước → tăng áp lực, nâng cao chất lượng nước, tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước...

- **Doanh thu :** Với giá bán bình quân năm 2018 là 9.386 đồng, vượt 212 đồng so với chỉ tiêu 9.174 đồng theo kế hoạch. Giá bán tăng nhờ nỗ lực thực hiện công tác kiểm tra định mức, giá biểu, giải quyết khiếu nại của khách hàng...(năm 2018 giải quyết 3.600 đơn khiếu nại, phát hiện 10 trường hợp gian lận, truy thu 350.000 m³ nước). → Doanh thu đạt vượt kế hoạch đề ra 9,9% và vượt 10,95% so với cùng kỳ năm 2017.

- **Tỷ lệ thực thu:** đạt 99,9%. Đây là kết quả của việc áp dụng hóa đơn điện tử kết hợp với điều chỉnh lộ trình thu tiền hợp lý đã tạo điều kiện tăng năng suất cho thu ngân viên (giảm thời gian đăng ngân, kiểm tra hóa đơn) tuyên truyền vận động khách hàng thanh toán qua ngân hàng và các kênh trung gian thu hộ.

Tổng số tiền thanh toán qua ngân hàng và kênh thu hộ năm 2018 là 400 tỷ 399 triệu đồng (chiếm 45,72% tổng thực thu tiền nước cả năm). Số lượng giao dịch qua ngân hàng và kênh thu hộ tăng từ 671.074 giao dịch (năm 2017) lên thành 935.829 giao dịch (năm 2018), tăng gần 40%.

1.2/-Gắn mới đồng hồ nước

Gắn mới hơn 8.000 ĐHN và duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100% trên địa bàn Công ty quản lý theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

1.3/-Đầu tư xây dựng cơ bản

Các công trình đầu tư thay mới ống mục chưa đạt tiến độ thực hiện do:

- Công trình phải thay đổi quy mô theo yêu cầu từ chính quyền địa phương, sửa đổi thiết kế cho phù hợp tình hình thực tế ngoài hiện trường...dẫn đến Kế hoạch năm 2018 phải bổ sung, điều chỉnh nhiều lần gây ảnh hưởng đến các thủ tục vay vốn.

- Công tác thỏa thuận hướng tuyến với các đơn vị quản lý gặp nhiều khó khăn trở ngại, một số công trình phải thay đổi thời gian thi công do phối hợp đồng bộ với các dự án nâng cấp đường.

- Trong 5 tháng đầu năm Công ty chưa tìm được đơn vị tư vấn đấu thầu đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 7 điều 35 Thông tư 03/2016/TT-BKHDT.

1.4/-Công tác giảm thất thoát nước

a. Kết quả công tác GTTN năm 2018

Tỷ lệ %NRW bình quân năm 2018 đạt được **28,33%**, chi tiết như sau:

Kỳ	1/2018	12/2018	Bình quân năm 2018	Kỳ 12/2018 so với 1/2018	Bình quân năm 2018 so với kỳ 01/2018
%NRW Tính theo kỳ	31,48%	24,06%	28,33%	-7,42%	-3,15%

Chi tiết, tỷ lệ %NRW từng kỳ trong năm 2018, như sau:

Nội dung	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6
Tỷ lệ %NRW từng kỳ	31,48%	34,77%	19,65%	30,21%	28,26%	27,78%

Nội dung	Kỳ 7	Kỳ 8	Kỳ 9	Kỳ 10	Kỳ 11	Kỳ 12
Tỷ lệ %NRW từng kỳ	28,85%	30,28%	29,77%	25,81%	27,08%	24,06%

b. Kết quả thực hiện một số công tác GTTN trọng tâm trong năm 2018:

- Tách mạng hoàn chỉnh giữa các Quận với nhau.
- Xác định được tỷ lệ %NRW của các khu vực trong, ngoài DMA.
- Công tác chống thất thoát nước vô hình thường xuyên thực hiện, bám sát thực tế hiện trường, phát hiện nhiều trường hợp gian lận, trong năm 2018, đã phát hiện, truy thu được 349.338 m³, cũng góp phần nâng cao hiệu quả công tác GNTTTT.
- Cập nhật toàn bộ cơ sở dữ liệu (mạng lưới cấp nước, các DMA, các vị trí đồng hồ tổng, các datalogger, van,...) lên hệ thống thông tin địa lý (G.I.S).
- Thay thế các đồng hồ nước hết hạn kiểm định, các ĐHN không đúng công suất.
- Trang bị các thiết bị phục vụ công tác giảm nước thất thoát thất thu (dò tìm, phát hiện rò rỉ).

1.5/-Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

- Đã nghiệm thu đưa ứng dụng Gis vào công tác quản lý mạng lưới cấp nước.
- Triển khai hóa đơn điện tử trên toàn địa bàn Công ty. Nâng cao hình ảnh, tính chuyên nghiệp của Công ty trong cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Hoàn thành lưu trữ số hóa hồ sơ dữ liệu khách hàng.
- Triển khai thực hiện phản hồi thông tin khách hàng bằng tin nhắn: thông tin đến từng khách hàng các nội dung về tình hình hồ sơ, tiến độ xin phép đào đường, thông báo thời gian thi công...
- Triển khai “Thu tiền nước 1 lần tại nhà khách hàng”, chuẩn bị không thu vào năm 2019.
- Đơn giản hóa các quy trình quy định, giảm thiểu các biểu mẫu, đơn giản hoá các thủ tục cắt chuyển định mức, sang tên...qua đó rút ngắn thời gian tiếp nhận, giải quyết các yêu cầu của khách hàng, nâng cao uy tín Công ty.

1.5/-Nhận xét và đánh giá

a. Kết quả đạt được:

- Hoàn thành phần lớn các mục tiêu đã đề ra đầu năm. Đặc biệt, sản lượng và doanh thu đều đạt mức tăng trưởng cao so với năm 2017 (sản lượng tăng 8,39%, doanh thu tăng 10,95%). Riêng Tỷ lệ thất thoát nước dù không đạt chỉ tiêu đề ra song việc quản lý lượng nước thất thoát đã dần được Công ty kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo việc kéo giảm hơn nữa trong thời gian tới.
- Phủ kín mạng lưới cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý với tổng chiều dài hơn 1.300 km với hơn 280.000 khách hàng), duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Quận 5, 6, 8 và Bình Tân theo Nghị Quyết 35 của Hội đồng nhân dân Thành phố, góp phần vào công tác an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- Đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ người dân, góp phần vào sự phát triển của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV nói chung và Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn nói riêng
- Chất lượng phục vụ khách hàng được nâng cao, việc giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng được thực hiện nhanh chóng với tinh thần trách nhiệm và thái độ chuyên nghiệp.

b. Tồn tại

- Nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, các công tác chống thất thoát nước vẫn tiếp tục là một trong những hạn chế lớn nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cuối năm 2018 vẫn còn 18.002 ĐHN có chỉ số tiêu thụ bằng không. Tình trạng khách hàng gian lận (sử dụng nam châm, cắt tê, đấu nối cầu nước bất hợp pháp, chêm ngoại vật vào ĐHN,...) trong sử dụng nước vẫn còn cao, diễn biến phức tạp và khó kiểm soát.
- Tốc độ đô thị hóa cao, hệ thống hạ tầng như: đường giao thông, cống thoát nước, cáp ngầm...phát triển mạnh nhưng không đồng bộ, dẫn đến tình trạng xây dựng chằng chéo lên nhau làm cho ống cấp nước bị chôn sâu, gây khó khăn cho công tác dò bể, thi công sửa bể, cũng như khó khăn cho công tác quản lý mạng lưới.
- Hiện nay trên địa bàn quản lý có rất nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật khác (cống thoát nước, ngầm hóa cáp điện, viễn thông,...) đang thi công ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước, thực hiện trên diện rộng, rất khó theo dõi, giám sát.

2) Tình hình tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính.

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

2.1/-Tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh)

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2018: 423.230.041.623 đồng, trong đó:

a) Tài sản ngắn hạn: 130.415.903.775 đồng, chiếm tỷ lệ 30,81% tổng tài sản, tài sản ngắn hạn năm 2018 thấp hơn tài sản ngắn hạn năm 2017 là 69.029.624.768 đồng, tỷ lệ giảm là 34,61% gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 32.462.303.526 đồng, gồm: Tiền mặt tồn quỹ: 15.458.083 đồng; tiền gửi ngân hàng: 18.446.845.443 đồng, tiền gửi NH có kỳ hạn dưới 3 tháng 14.000.000.000 đồng. Năm 2018 lượng tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ thấp hơn so với năm 2017 là 17.898.236.491 đồng, tỷ lệ giảm 35,54%

Công ty tổ chức quản lý và theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo quy định: Lập phiếu thu, phiếu chi khi xuất nhập quỹ tiền mặt, thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt định kỳ và tại thời điểm cuối năm, đối chiếu xác nhận số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng đầy đủ.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn: 50.596.753.234 đồng. Năm 2018 đầu tư tài chính ngắn hạn tăng cao hơn năm 2017 là 50.596.753.234 đồng, tỷ lệ tăng 100%.

- Các khoản phải thu ngắn hạn: 24.618.651.194 đồng, gồm: Phải thu khách hàng: 20.962.680.069 đồng trong đó phải thu của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn: 12.951.055.881 đồng; trả trước cho người bán: 3.649.014.710 đồng; các khoản phải thu ngắn hạn khác: 2.221.692.184 đồng; dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập đến thời điểm 31/12/2018 là 2.214.735.769 đồng. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, thực hiện đối chiếu xác nhận nợ tại thời điểm cuối năm theo quy định.

- Quản lý hàng tồn kho: 16.295.325.787 đồng, gồm: Nguyên vật liệu tồn kho: 16.167.544.542 đồng; chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: 127.781.245 đồng. Nguyên vật liệu tồn kho năm 2018 thấp hơn năm 2017 là 3.773.264.963 đồng, tỷ lệ giảm 18,8%.

Hàng hóa tồn kho đến thời điểm 31/12/2018 không có hàng hóa kém, mất phẩm chất. Công tác kiểm kê được Công ty thực hiện định kỳ theo quy định.

- Quản lý tài sản ngắn hạn khác: 6.442.870.034 đồng, gồm: Chi phí trả trước ngắn hạn: 2.213.660.600 đồng (công cụ, dụng cụ và BHTN cho CNV); thuế GTGT được khấu trừ: 4.229.209.434 đồng, năm 2018 tài sản ngắn hạn khác tăng so với năm 2017 là 2.053.528.386 đồng, tỷ lệ tăng 146,78%

b) Tài sản dài hạn: 292.814.137.848 đồng, chiếm 69,19% tổng tài sản, tăng 5.102.098.342 đồng, tỷ lệ tăng 101,77% so với năm 2017

- Quản lý tài sản cố định: 222.772.919.456 đồng, chiếm 52,64% tổng tài sản, gồm: Nguyên giá TSCĐ hữu hình: 728.842.790.708 đồng; nguyên giá TSCĐ vô hình: 5.074.186.666 đồng; Hao mòn TSCĐ hữu hình: 506.540.665.109 đồng, hao mòn TSCĐ vô hình: 4.603.392.809 đồng.

Năm 2018, Tổng nguyên giá tài sản cố định tăng so với năm 2017 là 6.951.703.742 đồng, tỷ lệ tăng 103,22% trong đó chủ yếu là tăng tài sản đường ống cấp nước.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 9.690.368.158 đồng (gồm: công trình di dời đường ống, công trình chống thất thoát nước, công trình cải tạo ống mục, công trình ống cái, phát triển mạng lưới, phần mềm Gis).

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được Công ty thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính (TSCĐ tăng, giảm được hạch toán đúng quy định; hồ sơ tài sản được tập hợp và lưu giữ đầy đủ; các loại tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ đã được phân loại và hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn).

- Chi phí trả trước dài hạn: 60.329.227.600 đồng, chiếm 14,25% tổng tài sản, gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, xây dựng kho vật tư là 127.590.081 đồng; công cụ, dụng cụ

35.521.955 đồng; chi phí gán ĐHN 43.602.581.187 đồng; chi phí thay ĐHN 9.513.146.861 đồng, CTOM 833.154.405 đồng, chi phí CTOM phục vụ CTTN : 4.997.114.068 đồng... Các khoản chi phí trả trước dài hạn được quản lý, hạch toán theo quy định.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH - HÀNG TỒN KHO/NNH)	0,71%	0,67%
2	Vòng quay hàng tồn kho		
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	22,56	51,71
3	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,21	2,39
4	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	8,35	6,41
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3,73	2,98

Năm 2018, Công ty không có nợ phải thu xấu, tài sản xấu, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Trong năm 2018 nợ phải trả của Công ty biến động như sau:

a) Nợ phải trả: 212.501.383.269 đồng, chiếm tỷ lệ 50.21% tổng nguồn vốn, nợ phải trả năm 2018 thấp hơn năm 2017 là 62.602.656.603 đồng, tỷ lệ giảm 27,76%

Nợ phải trả ngắn hạn năm 2018: 169.862.060.477 đồng, thấp hơn so với năm 2017 là 81.549.810.081 đồng, tỷ lệ giảm 32,44 %, giảm chủ yếu do:

- *Phải trả người bán năm 2018:* 106.546.476.852 đồng, thấp hơn so với năm 2017 là 46.814.826.920 đồng, tỷ lệ giảm 30,53%. Khoản phải trả giảm chủ yếu là phải trả tiền nước, vật tư, thuê TSCĐ cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn.

- *Người mua trả tiền trước ngắn hạn:* 6.259.777.265 đồng, tăng so với 2017: 1.925.487.575 đồng, tỷ lệ tăng 144,42%.

- *Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:* 11.757.132.561 đồng, giảm so với 2017 : 5.464.584.294 đồng, tỷ lệ giảm 31,73%

- *Phải trả người lao động:* 15.936.994.299 đồng, giảm so với 2017: 1.617.606.588 đồng, tỷ lệ giảm 9,21%.

- *Chi phí phải trả ngắn hạn năm 2018:* 12.090.394.702 đồng, giảm so với 2017: 27.424.832.381 đồng, tỷ lệ giảm 69,4%, gồm trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước đã nghiệm thu nhưng chưa quyết toán: 6.658.888.973 đồng; chi phí gán ĐHN theo ND 117: 4.284.122.474 đồng và các khoản khác là 1.147.383.255 đồng.

- *Phải trả ngắn hạn khác* 10.254.644.878 đồng, giảm so với 2017: 5.229.211.335 đồng, tỷ lệ giảm 33,77%, gồm: Phải trả về kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khoản phải trả về bảo lãnh thực hiện hợp đồng, phải trả Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, cổ tức phải trả cổ đông, phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi.

- *Vay và nợ ngắn hạn:* 3.737.480.000 đồng, là khoản đến hạn trả cho Ngân hàng NN&PTNT – CN Chợ Lớn TpHCM để phát triển mạng lưới cấp nước.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi:* 3.279.159.920 đồng.

- *Nợ dài hạn* là 42.639.322.792 đồng, chiếm 10,07% tổng nguồn vốn, gồm: phải trả dài hạn khác 16.371.815.341 đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn 23.454.660.986 đồng, thuế thu nhập hoãn lại phải trả 2.812.846.465 đồng.

- *Phải trả dài hạn khác:* 16.371.815.341 đồng, là khoản phải trả khách hàng ứng vốn để gán đồng hồ nước theo hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 có thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

- *Vay và nợ dài hạn:* 23.454.660.986 đồng, là khoản vay dài hạn của Ngân hàng NN&PTNT – CN Chợ Lớn TpHCM để phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 8 năm.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

3) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2018 Công ty tiếp tục có một số thay đổi về công tác quản lý và chính sách đối với người lao động:

- Đã nghiệm thu đưa ứng dụng Gis vào công tác quản lý mạng lưới cấp nước.
- Khoán lương cho công nhân dò bể để tăng năng suất và hiệu quả lao động, làm cơ sở khoán lương theo tỷ lệ thất thoát nước cho các phòng-ban chuyên môn.
- Hoàn thành lưu trữ số hóa hồ sơ dữ liệu khách hàng.
- Triển khai thực hiện phản hồi thông tin khách hàng bằng tin nhắn: thông tin đến từng khách hàng các nội dung về tình hình hồ sơ, tiến độ xin phép đào đường, thông báo thời gian thi công ... (tiếp tục của năm 2017).
- Triển khai “Thu tiền nước 1 lần tại nhà khách hàng”, chuẩn bị không thu vào năm 2019.
- Thành lập Tổng đài chăm sóc khách hàng (Call Center) nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Có nhiều chính sách đãi ngộ đối với người lao động: mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, tạo điều kiện cho người lao động tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên để nâng cao trình độ, đối với một số bộ phận còn được Công ty hỗ trợ học phí (công nghệ thông tin, luật, kế toán ...).

4) Kế hoạch phát triển trong năm 2019

a. Mục tiêu:

- Đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ người dân, góp phần vào sự phát triển của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV nói chung và Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn nói riêng.
- Xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững và hội nhập.
- Xây dựng hình ảnh công sở chuyên nghiệp từ cung cấp dịch vụ đến quản lý vận hành mạng lưới cấp nước, nâng cao thương hiệu uy tín công ty.

b. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Đảm bảo công tác cấp nước cho người dân được liên tục, ổn định; chất lượng nước sạch và an toàn đúng quy định của Bộ Y tế.
- Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý.
- Giảm nhanh, giảm mạnh tỷ lệ thất thoát nước và duy trì tỷ lệ ở mức thấp thông qua các biện pháp quản lý kỹ thuật;
- Từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý (phần mềm GIS), nâng cao hiệu quả dịch vụ khách hàng (Tổng đài chăm sóc khách hàng), thực hiện không thu tiền nước tại nhà khách hàng.

- Phối hợp với Chính quyền địa phương, các Sở Ban Ngành thực hiện theo Quyết định 1242/QĐ-UBND về ban hành kế hoạch giảm khai thác nước dưới đất và trám lấp giếng khai thác nước dưới đất trên địa bàn TP.HCM đến năm 2025 => Giảm hóa đơn từ 0 - 4 m³.

- Giữ vững hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng sản lượng tiêu thụ, tăng doanh thu để tăng lợi nhuận, đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước; bảo tồn và phát triển nguồn vốn góp của các cổ đông, ổn định và tăng dần cổ tức; đảm bảo thu nhập và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

c. Giải pháp:

Về tài chính:

- Tăng cường kiểm tra công dụng của khách hàng để nâng cao giá bán bình quân.
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện cũng như tiến độ thanh quyết toán, giải ngân hoàn tất các công trình đầu tư thay mới ống mục.

- Thực hiện hoàn tất quyết toán các công trình vốn khách hàng, vốn Tổng Công ty...thu hồi vốn.

- Lập kế hoạch các dự án, công tác cần thực hiện trong thời gian sớm nhất để kịp thời phân bổ, sử dụng nguồn vốn hợp lý.

- Kiểm soát vật tư chặt chẽ đảm bảo lượng vật tư dự trữ ổn định, tránh mua sắm dư thừa gây lãng phí, tái sử dụng vật tư còn đảm bảo chất lượng (nếu có thể) để tiết kiệm chi phí.

Về quản lý:

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, vận hành và hoàn thiện Tổng đài chăm sóc khách hàng - Call center để ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ khách hàng.

- Thường xuyên thực hiện điều tiết lại áp lực mạng lưới cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo mạng lưới cấp nước luôn trong tình trạng hoạt động ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, giảm thiểu lượng nước thất thoát.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác vận động hạn chế khai thác nước ngầm. Thông tin liên lạc, phối hợp với các Ban Ngành để kết hợp thi công các công trình của Công ty đồng bộ với các dự án mở rộng, nâng cấp đường nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

- Hoàn thiện các quy trình, phân rõ trách nhiệm của các đơn vị phù hợp với tình hình thực tế.

- Có chính sách khen thưởng cũng như xử phạt thích đáng để nâng cao tinh thần trách nhiệm của người lao động, khuyến khích phát huy tính tự giác, tinh thần sáng tạo...

Về kỹ thuật:

- Từng bước chuyển đổi hình thức quản lý thủ công sang quản lý bằng các ứng dụng công nghệ thông tin (theo dõi thông tin đồng hồ qua datalogger, phần mềm quản lý nhân viên ngoài hiện trường, DMA,...)

- Đưa ứng dụng Gis vào công tác quản lý toàn bộ mạng lưới cấp nước, ngày càng hoàn thiện phần mềm, liên kết chia sẻ dữ liệu với các đơn vị cấp nước khác, mở rộng thêm các tính năng của Gis đồng bộ với nhu cầu phát triển của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện khoanh vùng, thiết lập mới DMA. Lựa chọn vị trí lắp đặt DMA hợp lý, mang lại hiệu quả cao nhất, không thiết lập ồ ạt chạy theo số lượng. Điều chỉnh quy hoạch các DMA, tiến tới phủ kín toàn bộ mạng lưới cấp nước, kiểm soát toàn bộ đồng hồ nước khách hàng qua DMA trên địa bàn Công ty.

- Đẩy nhanh hoàn thành các dự án đầu tư thay mới ống mục qua đó kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước và đảm bảo chất lượng nguồn nước sinh hoạt.

Về nguồn nhân lực:

- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật ... cho lực lượng trẻ, đặc biệt là công tác đào tạo và tái đào tạo.

- Lập kế hoạch đào tạo đội ngũ caretaker theo lộ trình, lâu dài đảm bảo xây dựng 1 đội ngũ caretaker vững kiến thức, giàu kinh nghiệm đảm đương thực hiện công tác quản lý DMA.

- Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý dự án bằng nhiều hình thức đào tạo chuyên sâu, các kỹ năng đàm phán, trình độ ngoại ngữ,...

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về các văn bản pháp luật, quy định mới của Nhà nước cho toàn bộ người lao động học tập, nâng cao tay nghề, kiến thức để góp phần xây dựng Công ty phát triển.

d. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: theo báo cáo tài chính kiểm toán đã gửi cho cổ đông và gửi kèm theo Báo cáo thường niên.

e. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty: không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1) Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Ngày từ đầu năm 2018, mặc dù đã nhận định được những khó nhưng với những biến động trong hoạt động SXKD (trong những tháng đầu năm 2018, tỷ lệ thất thoát nước có nhiều biến động chưa xác định chính xác nguyên nhân gây khó khăn trong việc kéo giảm, tình hình tài chính có nhiều biến động với những chi phí phát sinh ngoài dự kiến ...) dẫn đến hoạt động SXKD của Công ty nhiều lúc rất khó khăn và rơi vào bế tắc với dự kiến kết quả kinh doanh lỗ. Tuy nhiên với quyết tâm, nỗ lực và kinh nghiệm của các thành viên trong HĐQT, Ban Giám đốc, đến cuối cùng đã đưa Công ty vượt qua khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại Hội đồng cổ đông đã đề ra.

Tất cả các khoản thu, chi đều minh bạch, rõ ràng, hợp pháp và thực hiện đúng các quy định hiện hành. Bên cạnh đó các chính sách chăm lo cho người lao động luôn được Ban Giám đốc quan tâm thực hiện đúng pháp luật.

2) Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Mặc dù trong năm 2018 có sự thay đổi về nhân sự Ban Giám đốc Công ty (thay đổi Giám đốc ngay sau đại hội đồng cổ đông vào cuối tháng 4/2018, kể từ 01/09/2018 Phó Giám đốc kỹ thuật nghỉ hưu theo chế độ và Giám đốc Công ty phải tạm thời kiêm nhiệm trong thời gian chờ xem xét bổ nhiệm Phó Giám đốc kỹ thuật) nhưng Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Ban Giám đốc (BGĐ) Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ giao để điều hành và theo dõi sát kết quả thực hiện định kỳ 1 lần / 1 tháng thông qua họp giao ban.

- BGĐ đã phân công, phân nhiệm cụ thể trong từng thành viên. Các thành viên BGĐ chủ động trong chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD hàng ngày, mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin vào các mặt hoạt động của đơn vị.

- Bên cạnh việc xem xét, quyết định các công việc thuộc thẩm quyền, BGĐ cũng đã đề xuất với HĐQT những vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức bộ máy, chủ trương sử dụng nguồn vốn vay trong XD CB, các giải pháp để giải quyết khó khăn về tình hình tài chính, định hướng phát triển Công ty trong năm và các năm tới .vv...

Nói chung, năm 2018 tuy gặp rất nhiều khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết nhất trí cao, kinh nghiệm, sự điều hành linh hoạt, sâu sát và đầy tâm huyết của Ban Giám đốc, đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được HĐQT giao phó. BGĐ đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của mình, đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD.

3) Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2019 và định hướng phát triển Công ty đến năm 2022, HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 đề ra kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo triển khai nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019. Tăng cường công tác quản trị, giám sát thường xuyên việc thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, giá bán bình quân ... nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đã được ĐHCĐ thông qua.

- Hỗ trợ và phối hợp cùng Giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới cổ đông một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty xây dựng các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019, cụ thể:

- Giảm nhanh, giảm mạnh tỷ lệ thất thoát nước.
- Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Công ty quản lý.
- Xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững và hội nhập. Xây dựng hình ảnh công sở chuyên nghiệp từ cung cấp dịch vụ đến quản lý, vận hành mạng lưới cấp nước, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty.
- Giữ ổn định thu nhập cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1) Hội đồng quản trị

1.1/-Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ) thường niên năm 2017 tổ chức ngày 06/06/2017 đã bầu HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là Công ty) nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 7 thành viên, trong đó có ba thành viên HĐQT nhiệm kỳ trước tiếp tục được cổ đông tín nhiệm bầu vào HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022. Ngay sau đại hội, các thành viên HĐQT đã họp và thống nhất bầu ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022.

Trong năm 2018, tại ĐHCĐ thường niên tổ chức ngày 27/04/2018, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn nhiệm kỳ 2017 – 2022 đối với ông Lê Trọng Hiếu và thống nhất bầu bổ sung ông Huỳnh Tuấn Anh vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn nhiệm kỳ 2017 – 2022. Kể từ ngày 27/04/2018 đến thời điểm lập báo cáo, HĐQT Công ty gồm các thành viên sau:

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Dũng | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Huỳnh Tuấn Anh | Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 3. Ông Trần Quang Minh | Ủy viên HĐQT |
| 4. Ông Đặng Đức Hiền | Ủy viên HĐQT |
| 5. Ông Trần Văn Châu | Ủy viên HĐQT |
| 6. Ông Lê Huy Hùng | Ủy viên HĐQT |
| 7. Ông Nguyễn Thanh Phong | Ủy viên HĐQT |

Số lượng cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu của các thành viên HĐQT của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn tính đến thời điểm lập báo cáo (theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/05/2018) như sau:

Số TT	Họ và tên	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ
I	Thành viên HĐQT có tham gia điều hành:						
1	Huỳnh Tuấn Anh			1.657.600	12,75%	1.657.600	12,75%
II	Thành viên HĐQT không tham gia điều hành:						
1	Nguyễn Văn Dũng			1.657.600	12,75%	1.657.600	12,75%
2	Trần Quang Minh			1.657.600	12,75%	1.657.600	12,75%
3	Đặng Đức Hiền			1.657.600	12,75%	1.657.600	12,75%
4	Trần Văn Châu			300.000	2,308%	300.000	2,31%
5	Lê Huy Hùng	2.156.790	16,59%			2.156.790	16,59%
6	Nguyễn Thanh Phong	67.930	0,52			67.930	0,52%
	Tổng cộng					9.155.120	70,42%

1.2/-Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Trong nhiệm kỳ 2012 - 2017, HĐQT Công ty đã thống nhất không thành lập các tiểu ban nhưng có phân công 3 thành viên HĐQT độc lập phụ trách các lĩnh vực nhân sự, lương thưởng, chính sách phát triển của Công ty.

Đến ngày 03/8/2017, HĐQT Công ty nhiệm kỳ mới 2017 – 2022 đã họp và thống nhất phân công các thành viên HĐQT có tên sau đầu phụ trách các lĩnh vực nhân sự, lương thưởng, chính sách phát triển, gồm:

- Ông Lê Huy Hùng, thành viên HĐQT độc lập phụ trách về nhân sự.
- Ông Trần Văn Châu, thành viên HĐQT độc lập phụ trách về lương thưởng.
- Ông Nguyễn Thanh Phong, thành viên HĐQT độc lập phụ trách về chính sách phát triển

Các thành viên HĐQT được bổ nhiệm đã thực hiện việc theo dõi, giám sát công tác trong lĩnh vực phụ trách.

1.3/-Hoạt động của HĐQT

- Năm 2018 HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên với sự thống nhất rất cao của cổ đông khi tất cả các nội dung biểu quyết đều được thông qua với tỷ lệ là 100% đã tổ chức 05 cuộc họp chính thức của HĐQT. Bên cạnh đó, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, việc quản lý điều hành còn được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản (5 lần). Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên HĐQT cũng thường xuyên trao đổi thông tin về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động của Công ty thông qua email, điện thoại.

- HĐQT luôn đảm bảo tính đồng thuận trong việc ra quyết định. Đối với các vấn đề mà các ý kiến có sự khác biệt sẽ được cân nhắc, làm rõ và điều chỉnh để tìm được sự thống nhất, và trong tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham dự của các thành viên và Trưởng Ban kiểm soát.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán đảm bảo công tác kiểm toán định kỳ hàng năm, 6 tháng được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

Công tác tổ chức nhân sự:

- Ngay sau ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Công ty đã họp thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc mới. HĐQT thường xuyên theo dõi, đánh giá và có những quyết định phù hợp, kịp thời về nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT, số cán bộ do HĐQT bổ nhiệm đều hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- HĐQT nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của đội ngũ người lao động trong Công ty, thường xuyên có những chỉ đạo kịp thời với Ban Giám đốc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý Công ty và sử dụng nguồn nhân lực; sắp xếp và bố trí lao động phù hợp; tìm nhiều giải pháp tăng năng suất lao động để tăng thu nhập nhằm đảm bảo cho người lao động có thu nhập ổn định, gắn bó lâu dài với Công ty.

Công tác giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thường xuyên duy trì giám sát đối với Giám đốc thông qua báo cáo và chất vấn tại các cuộc họp. Công tác giám sát giúp hoạt động của Giám đốc liên tục và nhất quán trong chỉ đạo tổ chức SXKD, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, quá trình tổ chức thực hiện và kết quả công việc để có đánh giá và chỉ đạo kịp thời.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. Chủ tịch HĐQT tham dự tất cả các cuộc họp giao ban của Giám đốc với trưởng, phó các phòng, ban (1 lần / 1 tháng), từ đó theo sát được tình hình chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc trong công việc hàng ngày.

- Giám đốc cũng là thành viên HĐQT nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc.

Nhìn chung, giám sát quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty chưa phát hiện vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật cũng như những quy định, quy chế chung.

Các nghị quyết của HĐQT

Số TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	13/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản)	24/01/2018	Thông nhất chủ trương vay vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ quá hạn. Giao Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
2	14/NQ-HĐQT	06/02/2018	1) Thông nhất thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng: 12/03/2018 - Thời gian họp ĐHĐCĐ: sẽ thông báo sau (dự kiến tổ chức trong thời gian từ 02/04/2018 đến 20/04/2018) - Địa điểm họp: Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn (Hội trường lầu 4). 2) Thông nhất nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thông nhất các tài liệu trình ĐHĐCĐ gồm: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo kết quả tài chính; Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017; Dự thảo kế hoạch tài chính năm 2018; Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và một số nội dung khác. - Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng, ban nghiệp vụ chuẩn bị.
3	15/NQ-HĐQT	11/04/2017	1) Thông nhất kế hoạch họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian và địa điểm: <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian: 27/04/2018 (thứ sáu) • Địa điểm: Hội trường (Lầu 4) Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

			<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung Đại hội: <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018; • Báo cáo kết quả tài chính năm 2017 và kế hoạch tài chính năm 2018; • Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017; • Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) đánh giá về hoạt động SXKD năm 2017; • Xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017; • Xem xét thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018. • Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn (sửa đổi, bổ sung lần 4). 	
			<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn (dự thảo). • Xem xét thông qua Quỹ thù lao kế hoạch năm 2018 của người quản lý không chuyên trách. • Bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn nhiệm kỳ 2017 – 2022. <ul style="list-style-type: none"> - Giao Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng, ban nghiệp vụ chuẩn bị nội dung, chương trình và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. <p>2) Thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 xem xét thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả tài chính kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. - Ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018. - Kế hoạch SXKD và tài chính năm 2018. - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (sửa đổi, bổ sung lần 4). - Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn. - Quỹ thù lao kế hoạch năm 2018 của người quản lý không chuyên trách. - Bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn nhiệm kỳ 2017 – 2022. <p>3) Thống nhất thông qua Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng năm 2018 giữa Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn và Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, với giá là 5.032,89 đồng/m³ (đã được ba thành viên HĐQT không đại diện phần vốn góp Nhà nước và không có lợi ích liên quan, dự họp biểu quyết đồng ý, đạt tỷ lệ 100%).</p> <p>4) Thống nhất nâng bậc lương cho Chủ tịch HĐQT Cty.</p> <p>5) Thông qua quỹ tiền lương của người lao động và người quản lý Công ty.</p> <p>6) Thống nhất chi may trang phục cho người quản lý Công ty và người phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022.</p> <p>7) Thống nhất chi hoàn thành kế hoạch cho người quản lý</p>	



			và người lao động Công ty, mức chi tối thiểu là 1 tháng tiền lương bình quân thực hiện, trong trường hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Cty có lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch. Mức chi cụ thể giao Giám đốc Công ty quyết định.
4	16/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản)	20/04/2018	Thông qua Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng cho Người quản lý Công ty của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn. Giao Giám đốc Công ty ký quyết định ban hành để thực hiện.
5	18/NQ-HĐQT	27/04/2018	1) Về việc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017: - Thống nhất kiến nghị Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xem xét lại giá bán si nước sạch qua đồng hồ tổng năm 2017 của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn. - HĐQT Công ty sẽ xem xét thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên trong cuộc họp kế tiếp. - Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đến chậm nhất trước ngày 30/05/2017. 2) Thống nhất giao Giám đốc Công ty tiếp tục xem xét ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV năm 2017 (đã được ba thành viên HĐQT không đại diện phần vốn góp Nhà nước và không có lợi ích liên quan, dự họp biểu quyết đồng ý, đạt tỷ lệ 100%). 3) \forall vay vốn thay mới ống mục để chống thất thoát nước: - Thống nhất phương án vay vốn thực hiện các công trình đầu tư thay mới ống mục năm 2017 để chống thất thoát nước, như đề nghị của Giám đốc trong tờ trình số 844/TTr-CNCL-KTTC ngày 11/04/2017. - Giao Giám đốc Công ty xem xét làm việc với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn để ký kết hợp đồng vay vốn theo đúng quy định pháp luật.
6	23/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản)	27/06/2018	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 tại Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn (như đề xuất của Ban Kiểm soát).
7	24/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản)	23/07/2018	Thống nhất thông qua đơn giá mua si cho khối lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch năm 2018, theo hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2018 giữa Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn, là 4.544,15 đồng/m ³ (đã được ba thành viên HĐQT không đại diện phần vốn góp Tổng Công ty và không có lợi ích liên quan biểu quyết đồng ý, đạt tỷ lệ 100%).
8	25/NQ-HĐQT	20/08/2018	1) Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính 6 tháng đầu năm 2018. 2) Thông qua danh mục (điều chỉnh, bổ sung) các công trình đầu tư xây dựng năm 2018, như đề nghị của Giám đốc trong tờ trình số 79/TTr-VP.HĐQT ngày 14/08/2018. 3) Về việc mua đất phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty:

			<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất chủ trương mua đất phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. - Giao Giám đốc Công ty triển khai thực hiện (tìm vị trí khu đất phù hợp, giá chuyển nhượng ...), trình HĐQT xem xét quyết định.
9	26/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản)	05/09/2018	<p>1) Về hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng năm 2018 (đã được ba thành viên HĐQT không đại diện phần vốn góp Tổng Công ty và không có lợi ích liên quan biểu quyết đồng ý, đạt tỷ lệ 100%):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng năm 2018 giữa Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn và Tổng Công ty với đơn giá như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Đơn giá mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng năm 2018 là 5.032,89 đồng/m³. • Đơn giá mua bán cho khối lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch năm 2018 là 4.544,15 đồng/m³. - Ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét ký kết hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng năm 2018 với Tổng Công ty theo đơn giá đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua. <p>2) Về hợp đồng thuê tài sản hoạt động năm 2018 (đã được ba thành viên HĐQT không đại diện phần vốn góp Tổng Công ty và không có lợi ích liên quan biểu quyết đồng ý, đạt tỷ lệ 100%):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hợp đồng thuê tài sản hoạt động năm 2018 giữa Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn và Tổng Công ty gồm 59 danh mục tài sản với giá trị tạm tính của hợp đồng là 52.887.299.978 đồng (bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm bảy mươi tám đồng). - Ủy quyền cho Giám đốc Công ty xem xét ký kết hợp đồng thuê tài sản hoạt động năm 2018 với Tổng Công ty.
10	27/NQ-HĐQT	20/11/2018	<p>1) Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính 9 tháng đầu năm 2018.</p> <p>2) Thống nhất điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và danh mục các công trình đầu tư xây dựng năm 2018, như đề nghị của Giám đốc trong tờ trình số 85/TTr-CNCL ngày 08/11/2018.</p> <p>3) Giao Giám đốc Công ty thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo các phòng-ban tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và kế hoạch lợi nhuận năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. - Lưu ý các ý kiến đánh giá, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật. <p>4) Về giảm nước thất thoát, thất thu, giao Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng-ban chuyên môn thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp giảm nước thất thoát, thất thu từ nay đến cuối năm 2018, làm tiền đề để năm 2019 Công ty tập trung thực hiện việc giảm nhanh và giảm sâu tỷ lệ thất thoát nước của Công ty. - Xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm ứng dụng mô

			hình giảm nước thất thoát, thất thu tại khu vực có tỷ lệ thất thoát nước cao, từ các nguồn tài trợ không hoàn lại về vật tư, thiết bị tiên tiến của các nhà đầu tư trong công tác chống thất thoát nước. Nếu sau thời gian thực hiện có hiệu quả, sẽ trình Hội đồng quản trị xem xét phương án triển khai thực hiện đại trà theo quy định của pháp luật.
--	--	--	--

1.4/-Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 tổ chức ngày 06/06.2017 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 07 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập.

Đến ngày 03/08/2017, HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 họp và thống nhất không thành lập các tiểu ban nhưng đã phân công các thành viên HĐQT có tên sau đầu phụ trách các lĩnh vực nhân sự, lương thưởng, chính sách phát triển (NQ số 07/NQ-HĐQT ngày 07/08/2017):

- Ông Lê Huy Hùng, thành viên HĐQT độc lập phụ trách về nhân sự.
- Ông Trần Văn Châu, thành viên HĐQT độc lập phụ trách về lương thưởng.
- Ông Nguyễn Thanh Phong, thành viên HĐQT độc lập phụ trách về chính sách phát triển

Các thành viên HĐQT được phân công đã thực hiện việc theo dõi, giám sát công tác trong lĩnh vực phụ trách.

1.5/- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không

2) Ban Kiểm soát

2.1/-Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, cổ đông đã bầu ra Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 5 thành viên. Trong đó hầu hết các thành viên đều có chuyên môn và kinh nghiệm về tài chính, kế toán, Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách. Trong năm 2018, BKS Công ty không có thay đổi nhân sự, vẫn gồm 05 thành viên đã được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

- | | |
|------------------------------|------------|
| 1. Bà Lại Thị Thu | Trưởng Ban |
| 2. Bà Dương Quỳnh Nga | Thành viên |
| 3. Bà Trương Thị Thanh Nhung | Thành viên |
| 4. Bà Lê Thị Kim Xuyên | Thành viên |
| 5. Ông Nguyễn Ngọc Lương | Thành viên |

Số lượng cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu của các thành viên BKS của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn tính đến thời điểm lập báo cáo (theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/05/2018):

Số TT	Họ và tên	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	Lại Thị Thu	8.500	0,065%	-	-	8.500	0,065%
2	Dương Quỳnh Nga	600	0,005%	-	-	600	0,005%
3	Bà Trg Thị Thanh Nhung	-	-	-	-	-	-
4	Bà Lê Thị Kim Xuyên	-	-	-	-	-	-
5	Ông Nguyễn Ngọc Lương	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	9.100	0,07%			9.100	0,07%

2.2/-Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, thay mặt các cổ đông giám sát hoạt động SXKD của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh từng quý, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm của công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Đề xuất việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản hàng quý, năm.
- Tham gia ý kiến về báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các phiên họp Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị Công ty về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban giám đốc trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát. Ban kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát đối với HĐQT và Ban Giám đốc để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
- HĐQT Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.
- Đối với cổ đông: trong năm 2018 Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1/-Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của HĐQT và BKS được Đại hội đồng cổ đông quyết định, mức thù lao bình quân của năm 2018 là 7,2 triệu đồng / người / tháng.

- Tiền lương của Người quản lý (bao gồm Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng) được hưởng theo quyết định của HĐQT. HĐQT thông qua quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý, hàng tháng Người quản lý được tạm ứng tiền lương bằng 75% tiền lương kế hoạch được duyệt. Đến cuối năm, căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty, HĐQT sẽ quyết định (Nghị quyết) quỹ tiền lương thực tế được hưởng của Người quản lý.

- Tiền thưởng cho Người quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

3.2/-Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3/- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Số TT	Tên tổ chức / Cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số NQ/QĐ của ĐHCĐ / HĐQT thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn (Cổ đông Nhà nước)	41060000102 26/07/2005 Sở KHĐT TP.HCM	Số 1 Công trường Quốc tế, Quận 3, TP.HCM	30/01/2018	15/NQ-HĐQT ngày 11/04/2018 của HĐQT	6.630.400 (chiếm tỷ lệ 51%)	(*)
2	Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn (Cổ đông Nhà nước)	41060000102 26/07/2005 Sở KHĐT TP.HCM	Số 1 Công trường Quốc tế, Quận 3, TP.HCM	31/05/2018	17/NQ-HĐQT ngày 31/07/2013 của HĐQT	6.630.400 (chiếm tỷ lệ 51%)	(**)

Ghi chú:

(*): là Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng giữa Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV với Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn.

(**): là Hợp đồng thuê tài sản hoạt động giữa Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV với Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn (thuê tài sản là hệ thống đường ống mạng lưới cấp 3 để cung cấp nước sạch trên địa bàn Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn được phân cấp quản lý).

3.4/- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1) Ý kiến kiểm toán:** theo báo cáo tài chính kiểm toán đã gửi cho cổ đông và gửi kèm theo Báo cáo thường niên.
- 2) Báo cáo tài chính được kiểm toán:** gửi kèm theo Báo cáo thường niên.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước
- Sở GDCK TP.HCM
- Lưu VT, VP.HĐQT

